

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 6 - 2023
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương;
2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: bà
Đỗ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái
Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày
20 tháng 3 năm 2023 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa
các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Đỗ Thị N** sinh năm 1992

Nơi cư trú: thôn V, xã V1, huyện V2, tỉnh Thái Bình; Chứng minh nhân
dân số ***** do Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLDC về
dân cư cấp ngày 17/03/2015.

Bị đơn: anh **Lê Thanh N1** sinh năm 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã V3, thành phố T, tỉnh Thái
Bình; Số định danh cá nhân: 034091022469.

(chị N, anh N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Đỗ Thị N trình bày về yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị và anh Lê Thanh N1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có
đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V3, thành phố T vào ngày 08 tháng

10 năm 2015. Sau khi kết hôn, chị và anh N1 chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh N1 tại xã V3, thành phố T; khoảng 8 tháng sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N1 không chịu khó làm ăn lại còn chơi bời, cờ bạc dẫn đến vay nợ rất nhiều; chị N đã có lần phải trả nợ thay cho anh N1. Chị N đã nhiều lần đã động viên anh N1 không chơi bời nhưng anh N1 vẫn “chứng nào tật nấy”; cảm thấy hai vợ chồng không thể chung sống với nhau nên cuối năm 2016, chị N đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ. Ngay sau ngày chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh N1 đi lao động tại Đài Loan. Năm 2017, chị N đi lao động tại Nhật Bản. Từ thời điểm anh N1 đi sang Đài Loan, chị N và anh N1 đã cắt liên lạc với nhau. Năm 2019, anh N1 có về Việt Nam thăm gia đình, anh N1 cũng không liên lạc với chị N và sau đó tiếp tục sang Đài Loan lao động. Cuối năm 2022, chị N đã chủ động liên hệ với anh N1 để nói về chuyện hôn nhân của hai vợ chồng nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Đến nay, chị N xác định vợ chồng đã không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, không thể tiếp tục hôn nhân, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N1. Chị và anh N1 không có con chung; chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Anh Lê Thanh N1 trình bày:

Anh N1 đã hết hạn hợp đồng lao động tại Đài Loan và trở về Việt Nam từ ngày 10/5/2023. Anh N1 xác nhận việc xác lập quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N như chị N đã trình bày. Sau khi kết hôn được 6, 7 tháng, hai vợ chồng chị N và anh N1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau dẫn đến bất đồng về quan điểm và lối sống; chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Sau khi chị N bỏ về nhà mẹ đẻ, 2 tháng sau anh N1 đi lao động tại Đài Loan; từ đó hai vợ chồng chị N, anh N1 đã cắt đứt mọi quan hệ với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Đầu năm 2023, chị N có gọi điện thoại cho anh N1 để nói về việc ly hôn, anh N1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên anh N1 đồng ý. Anh và chị N không có con chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:
- + Về hôn nhân: xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lê Thanh N1.
- + Về con chung: chị N và anh N1 không có con chung.
- + Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết do các đương sự không yêu cầu.
- + Về án phí: chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Đỗ Thị N, bị đơn là anh Lê Thanh N1 đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị N, anh N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị N và anh Lê Thanh N1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2015, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Lời khai của chị N và lời khai của anh N1 đều thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N1 và chị N đã kéo dài từ nhiều năm nay do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai đều không thể tìm ra được giải pháp để khắc phục mâu thuẫn mà đã cùng thống nhất với nhau về việc ly hôn. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn của chị N và anh N1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị N và anh N1 ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị N và anh N1 không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: chị N phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Lê Thanh N1.

[2] Về con chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tòa án không đặt ra giải quyết.

[4] Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005613 ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị N, anh N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND xã V3, TP. Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Anh